

Bản án số: **395/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 22 - 8 - 2019.

V/v: “*Ly hôn*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Hồng Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Toàn Thắng.
2. Ông Phạm Văn Vũ.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Khánh Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Phú Quý – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 129/2019/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2019 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1696/2019/ QĐXXST - HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 75/2019/QĐST – HNGĐ ngày 01/8/2019 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Chị Lê Thị Ph, sinh năm 1994; địa chỉ: số nhà 66/4 ấp Thạnh Thới B, xã TH, huyện P, tỉnh Bến Tre. Hiện đang tạm trú: số nhà 77/1 ấp Giao Thạnh, xã G, huyện P, tỉnh Bến Tre. Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. ***Bị đơn:*** Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1991; địa chỉ: số nhà 66/4 ấp Thạnh Thới B, xã TH, huyện P, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/02/2019, trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Lê Thị Ph trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Thạnh Hải cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày

11/6/2013. Thời gian sống hạnh phúc có được một con chung là Nguyễn Thị Yên Nh, sinh ngày 20/6/2012.

Sau khi cưới chị và anh T sống với nhau rất hạnh phúc nhưng gần một năm nay vợ chồng chị có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh T có những lời lẽ nhục mạ chị. Không thể tiếp tục sống chung được nữa nên từ đầu tháng 2 năm 2019 cho đến nay chị và anh T đã sống ly thân, chị thì đi làm ở tỉnh Long An còn anh T thì đi làm ở Đồng Nai và từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay chị và anh T không có gặp nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay Chị cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T, chị không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn; chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Yên Nh, sinh ngày 20/6/2012, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con;

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Không có chị không yêu cầu Tòa án giải quyết

Theo bản khai đề ngày 22/4/2019 và trong quá trình tố tụng bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị Ph về thời gian sống chung, việc đăng ký kết hôn và con chung, về tài sản chung và nợ chung nhưng anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Phương vì hiện nay anh còn thương yêu chị Ph, anh mong muốn vợ chồng hàn gắn để chăm lo cho con. Tuy anh và chị Ph đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2019 và hiện tại anh và chị Ph không còn sống chung, ai cũng có cuộc sống riêng, không ai còn quan tâm đến nhau nhưng anh mong muốn chị Ph cho anh thêm thời gian để anh tạo điều kiện hàn gắn lại cuộc sống vợ chồng. Anh thừa nhận là trước đây trong lúc nóng giận anh có những lời lẽ không đúng với chị Ph nhưng theo anh đây chỉ là mâu thuẫn nhỏ, anh hứa sẽ khắc phục nếu chị Ph về đoàn tụ với anh.

Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Ph thì về con chung anh đồng ý giao cho chị Ph nuôi, anh không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung anh không yêu cầu giải quyết. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn anh không có yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký: Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn anh Nguyễn Văn T không đến, tham gia phiên tòa là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Căn cứ vào các điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Ph. Chị Ph và anh T không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên đề nghị không xem xét;

Về con chung: Chị Ph được trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Thị Yến Nh, sinh ngày 20/6/2012 (theo nguyện vọng cháu Yến Nh); ghi nhận việc chị Ph không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung;

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Ph và anh T trình bày không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn xin ly hôn của chị Lê Thị Ph thì vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp là Hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn”. Bị đơn anh Nguyễn Văn T có nơi cư trú: số nhà 66/4 ấp Thạnh Thới B, xã TH, huyện P, tỉnh Bến Tre nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lê Thị Ph có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Ph theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc anh T vắng tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy: Anh Nguyễn Văn T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng anh T vẫn không có mặt. Việc vắng mặt không rõ lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng, nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Phượng và anh Nguyễn Văn T kết hôn

trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng không bên nào bị lừa dối hoặc ép buộc. Cả hai đều có đủ điều kiện kết hôn và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Phượng Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi kết hôn thì chị Ph và anh T có thời gian sống hạnh phúc và có với nhau một con chung nhưng đến đầu năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên từ tháng 02 năm 2019 chị Ph và anh T không còn chung sống với nhau, ai cũng có cuộc sống riêng, không ai còn quan tâm đến nhau. Trong quá trình tố tụng anh T không đồng ý ly hôn với chị Ph, anh muốn có thêm thời gian để tạo điều kiện hàn gắn lại cuộc sống vợ chồng, tuy nhiên xét thấy từ khi anh T và chị Ph sống ly thân cho đến nay tình cảm giữa anh T và chị Ph vẫn không cải thiện được. Mặt khác, theo biên bản xác minh ngày 24/5/2019 của Tòa án đối với ông Bùi Văn Phong là trưởng ấp Thạnh Thới B, xã TH, huyện P thì ông Phong cho biết: Trong thời gian sống chung, anh T và chị Ph có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên cự cãi nhau sau đó chị Ph đã dẫn cháu Yến Nh là con chung của chị Ph và anh T bỏ nhà đi từ khoảng cuối năm 2018 đầu năm 2019 cho đến nay không thấy về sống chung với anh T. Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã gửi Thông báo, giấy triệu tập cho anh T để đến Tòa tham gia hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị Ph nhưng anh T chỉ đến 01 lần những lần sau anh T không đến và cũng không đến để tham gia phiên tòa. Điều đó chứng tỏ anh T không có thiện chí đoàn tụ cuộc sống vợ chồng với chị Ph. Như vậy, có căn cứ cho thấy mâu thuẫn giữa chị Ph và anh T đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì cuộc sống chung nên chị Ph yêu cầu được ly hôn với anh T là có căn cứ phù hợp với Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Chị Ph, anh T không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về con chung: Chị Ph và anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Yến Nh, sinh ngày 20/6/2012, Chị Ph có yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ lúc chị Ph và anh T sống ly thân cho đến nay, chị Ph là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nhi và đồng thời cháu Nhi có nguyện vọng muốn sống với chị Ph. Do đó, việc chị Ph có yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ghi nhận việc chị Ph không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung: Chị Ph và anh T trình bày không yêu cầu Tòa xem xét

giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị Ph và anh T trình bày không yêu cầu Tòa xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Chị Ph phải nộp án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, Điều 147 và Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Ph. Chị Ph được ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Chị Ph và anh T không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về con chung: Chị Ph được trực tiếp nuôi con chung là cháu Nguyễn Thị Yến Nh, sinh ngày 20/6/2012 (theo nguyện vọng cháu Yến Nh). Ghi nhận việc chị Ph không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh T vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trên cơ sở vì lợi ích của con, cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có căn cứ.

3. Về tài sản chung: Chị Ph và anh T trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Ph và anh T trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị Lê Thị Ph phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0021675 ngày 12 tháng 02 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

(22/8/2019), đương sự vắng mặt tại phiên Tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Ủy ban nhân xã Thạnh Hải;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Đào Hồng Vân